

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới
với các nước có chung biên giới***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;**Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới (sau đây gọi tắt là hoạt động thương mại biên giới) gồm:

- a) Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân;
- b) Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới;
- c) Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu;
- d) Dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới.

2. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế qua biên giới thực hiện theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, Luật Biên giới quốc gia năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và tập quán thương mại quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại biên giới.

2. Các cơ quan, tổ chức quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại biên giới.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước có chung biên giới là nước có chung đường biên giới đất liền với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (bao gồm: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia).

2. Cửa khẩu, lối mở biên giới, khu vực cửa khẩu, hàng hóa của cư dân biên giới, thủ tục qua lại biên giới theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu theo quy định tại Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

4. Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân là hoạt động thương mại dưới các hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Thương mại năm 2005 và được thực hiện theo quy định tại Chương II Quyết định này.

Điều 4. Thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới

1. Hoạt động thương mại biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, đồng Việt Nam hoặc đồng tiền của nước có chung biên giới.

2. Phương thức thanh toán:

a) Thanh toán qua ngân hàng;

b) Thanh toán không dùng tiền mặt: bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu; thông qua tài khoản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam; thanh toán trực tiếp vào tài khoản của thương nhân tại ngân hàng khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới của Việt Nam;

c) Thanh toán bằng tiền mặt.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới.

Chương II

HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI CỦA THƯƠNG NHÂN

Điều 5. Thương nhân mua bán hàng hóa qua biên giới

1. Thương nhân Việt Nam không có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (dưới đây gọi tắt là thương nhân) được thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới. Căn cứ điều kiện hạ tầng kỹ thuật tại khu vực cửa khẩu phụ, lối mở biên giới,

Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương lựa chọn thương nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện mua bán hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.

2. Thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam chỉ được thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới trong trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định.

Điều 6. Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân

1. Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân phải đáp ứng các quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

2. Hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều này được mua bán qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trong các trường hợp cụ thể đảm bảo nguyên tắc khuyến khích xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới. Bộ Công Thương hướng dẫn hàng hóa mua bán qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân trong từng thời kỳ sau khi trao đổi với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới.

Điều 7. Các loại cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân

1. Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện tại các loại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

2. Cửa khẩu phụ, lối mở biên giới quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đủ các lực lượng quản lý chuyên ngành Hải quan, Biên phòng và Kiểm dịch hoạt động thường xuyên tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới;

b) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm quản lý nhà nước, bao gồm trụ sở làm việc của các lực lượng chức năng; khu vực kiểm tra, kiểm soát, giám sát; khu vực kho, bến bãi tập kết hàng hóa; đường giao thông; trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác.

Điều 8. Kiểm dịch, kiểm tra về an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân

Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm dịch y tế; kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm dịch thủy sản; kiểm tra chất lượng hàng hóa; kiểm tra về an toàn thực phẩm.

Điều 9. Hình thức thỏa thuận trong mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân

Hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thương nhân Việt Nam với thương nhân hoặc cá nhân của nước có chung biên giới bằng các hình thức sau:

1. Hợp đồng bằng văn bản.
2. Trường hợp không xác lập hợp đồng bằng văn bản thì thương nhân thực hiện mua bán hàng hóa qua biên giới phải lập bảng kê mua bán hàng hóa qua biên giới. Bảng kê được thương nhân Việt Nam ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực, có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng.

Bộ Công Thương hướng dẫn mẫu Bảng kê mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân có tên thương nhân hoặc cá nhân, tên hàng hóa, đơn giá, số lượng và các nội dung cần thiết khác để việc kê khai, theo dõi, quản lý được thống nhất.

Điều 10. Chính sách thuế, phí và lệ phí

1. Thương nhân mua bán hàng hóa qua biên giới phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành đối với hàng hóa mua bán qua biên giới, được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân quy định tại Quyết định này được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phí và lệ phí trong hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA CỦA CƯ DÂN BIÊN GIỚI

Điều 11. Chủ thể mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

1. Cư dân biên giới là công dân Việt Nam và công dân nước có chung biên giới có hộ khẩu thường trú tại các khu vực biên giới.

2. Người có giấy phép của cơ quan công an tỉnh biên giới cho cư trú ở khu vực biên giới.

Điều 12. Cửa khẩu, lối mở biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới

Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới được thực hiện qua các cửa khẩu, lối mở biên giới theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

Điều 13. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

2. Bộ Công Thương ban hành Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới để thực hiện chính sách đối với hoạt động mua bán, trao đổi của cư dân biên giới quy định tại Quyết định này.

Điều 14. Thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Chủ thể mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới quy định tại Điều 11 Quyết định này được miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) với giá trị không quá 2.000.000 (hai triệu) đồng/1 người/1 ngày/1 lượt và không quá 4 lượt/1 tháng đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới do Bộ Công Thương ban hành.

2. Phần giá trị hàng hóa vượt định mức quy định tại Khoản 1 Điều này phải chịu thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hướng dẫn thủ tục thu thuế đối với phần giá trị hàng hóa vượt định mức quy định.

Điều 15. Quản lý mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Đối với hàng hóa trong định mức nhưng cư dân biên giới không sử dụng cho đời sống và sản xuất của mình mà bán nhượng lại thì phải chịu thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thương nhân thực hiện mua gom, vận chuyển hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới tại khu vực chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.

3. Thương nhân thực hiện mua gom phải lập bảng kê mua gom hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới.

4. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới khi được mua gom phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định và phải thực hiện kiểm dịch, kiểm tra về an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng theo quy định tại Điều 8 Quyết định này.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu thuế đối với phần hàng hóa mà cư dân biên giới không sử dụng trực tiếp cho đời sống và sản xuất mà bán nhượng lại.

Điều 16. Kiểm dịch, kiểm tra chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm trong hoạt động mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

1. Kiểm dịch y tế: Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm dịch y tế, trừ trường hợp Bộ Y tế thông báo có nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm và khi có dịch bệnh xảy ra thì phải kiểm tra thực tế và xử lý y tế.